

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2364/2022/DS-ST
Ngày: 30/11/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1388/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2022/QĐXXST-DS ngày 04/10/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 340/2022/QĐST-DS ngày 02/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông S

- Bà V

- Bà C

Địa chỉ: Đường U, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông N

Địa chỉ: Đường K, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngày 27/7/2018, nguyên đơn có ký với bị đơn hợp đồng tín

dụng số 458615.HDTD856.18 với nội dung: Ngân hàng cho ông N vay số tiền 125.000.000 đồng, mục đích giải ngân là tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, từ ngày giải ngân đến ngày 02/8/2023, lãi suất tại thời điểm giải ngân: 17,5%/năm, mức lãi suất này cố định trong suốt thời hạn vay, phương thức thanh toán là số tiền phải hoàn trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi) 3.140.277 đồng, ngày đến hạn trả tiền hàng tháng là ngày 19, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 19/9/2018, trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Ngày 02/8/2018, VIB đã giải ngân cho ông N theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ với số tiền 125.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, vì vậy, VIB đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 20/01/2020.

Tạm tính đến ngày 30/11/2022, ông N đã trả cho VIB số tiền là 50.749.021 đồng, còn nợ lại số tiền là 180.849.142 đồng.

Nay, nguyên đơn khởi kiện buộc ông N thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 30/11/2022 là 180.849.142 đồng (trong đó nợ gốc là 102.236.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.697.395 đồng, nợ lãi quá hạn là 76.915.073 đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2022 cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Bị đơn là ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/11/2022 là 180.849.142 đồng (trong đó nợ gốc là 102.236.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.697.395 đồng, nợ lãi quá hạn là 76.915.073 đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2022 cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các

quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/11/2022 là 180.849.142 đồng (trong đó nợ gốc là 102.236.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.697.395 đồng, nợ lãi quá hạn là 76.915.073 đồng) và bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 458615.HDTD856.18 ngày 27/7/2018, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 458615.KUNN856.18 ngày 02/8/2018, bảng tính lãi, có cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 125.000.000 đồng, mục đích giải ngân là tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân 17,5%/năm, mức lãi suất này cố định trong suốt thời hạn vay. Hợp đồng tín dụng đã ký giữa nguyên đơn, bị đơn đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117, Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ bảng tính lãi, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 22.763.326 đồng, tiền lãi là 27.985.695 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 7 Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ nên nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn và yêu cầu bên vay thanh toán toàn bộ các khoản nợ là đúng với thỏa thuận của các bên tại khoản 3.2 Điều 3 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều

11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/11/2022 là 180.849.142 đồng (trong đó nợ gốc là 102.236.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.697.395 đồng, nợ lãi quá hạn là 76.915.073 đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 458615.HDTD856.18 ngày 27/7/2018, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 458615.KUNN856.18 ngày 02/8/2018.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.042.457 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng T.

Buộc ông N phải trả cho Ngân hàng T tiền tính đến ngày 30/11/2022 là 180.849.142 đồng (trong đó nợ gốc là 102.236.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.697.395 đồng, nợ lãi quá hạn là 76.915.073 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/12/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 458615.HDTD856.18 ngày 27/7/2018, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 458615.KUNN856.18 ngày 02/8/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu là 9.042.457 đồng.

Hoàn cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.712.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000401 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương

